

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/01/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+P2	7:25	12+10	0+0		0+0		
2		RP3+TD3	7:25	15+6	0+0		0+0	0+0	
3		TD3	9:25	21	0		1	0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 1	TO: RP1 - P2	CREW: VThắng - ĐNam - PTUẤN	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN QUYÊN	RP1	12-13	2	15		66	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ QUỐC HƯƠNG	RP1	06	1	17	17	70	XAYLAP	Vietnamese
3	HUYNH ĐỨC TÂM	RP1	11	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ XUÂN VIỆT	RP1	08	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI NGOC NAM	RP1	14-15	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VIỆT HUY	RP1	20-21	2	14		63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRẦN	RP1	09-10	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
8	HÀ HỮU THAI	RP1	16-17	2	18	12	60	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC CHIN	RP1	18-19	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN CHÍNH	RP1	01	1	15	18	75	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐÀO VĂN KHÔI	RP1	03	1	10		53	XAYLAP	Vietnamese
12	VÔ TIỀN PHÁT	RP1	04	1	7	17	68	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY HOÀNG	P2	47	1	9		58	TRƯỜNG	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH CHUÔNG	P2	46	1	5		68	TRƯỜNG	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NUÔI	P2	96	1	7		55	TRƯỜNG	Vietnamese
16	ĐÀO NGUYỄN THAI ĐÔNG	P2	700	1	12		58	TRƯỜNG	Vietnamese
17	HOÀNG BA HÙNG	P2	50	1	10		60	TRƯỜNG	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN THANH	P2	97-98	2	18		56	TRƯỜNG	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN QUÂN	P2	45	1	14		68	TRƯỜNG	Vietnamese
20	THẠCH HOÀNG HÂN	P2	99	1	13		70	TRƯỜNG	Vietnamese
21	VÔ TẤN TÀI	P2	48	1	15		70	TRƯỜNG	Vietnamese
22	LÊ DẠNG HỒNG PHƯƠNG	P2	49	1	8		70	TRƯỜNG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	12	18	169	781	64	0		
2	P2	10	11	111	633	0	0		
TOTAL		22	29	280	1.414	64	0		
WEIGHT KG				280	1.414	64			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: RP3 - TD3	CREW: VThăng - ĐNam - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG XUÂN THĂNG	RP3	49-50	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
2	LUƠNG ĐỨC DÂN	RP3	43-44	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGÔ HỒNG THANH	RP3	39	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	RP3	37-38	2	18		82	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHẮC SƠN	RP3	47	1	15		56	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC GIÁP	RP3	41-42	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	RP3	45-46	2	18		52	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN QUYÊN	RP3	34	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN VĂN ĐỨC	RP3	41,52	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN DUY ANH	RP3	30-31	2	18	15	70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN THANH TÙNG	RP3	36	1	8	13	75	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN CHIÊU	RP3	40	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN MẠNH	RP3	32	1	14		100	XAYLAP	Vietnamese
14	TRƯƠNG VĂN ĐỨC	RP3	01	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
15	VÕ VĂN HOÀI	RP3	35	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẶNG THANH BÌNH	TD3	08-09	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN THUYẾT	TD3	01	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
18	HOÀNG XUÂN KIẾN	TD3	05	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊU VĂN ĐƯỢC	TD3	06-07	2	18		50	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG MINH HIỆU	TD3	02-03	2	11		55	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN QUÝ DUNG	TD3	04	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

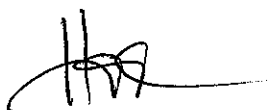
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	15	22	220	1.042	28	0		
2	TD3	6	9	84	366	0	0		
TOTAL		21	31	304	1.408	28	0		
WEIGHT KG				304	1.408	28			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/01/2023	TO: TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHaì - ĐỨC - ĐANG	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH LẠC	TD3	57	1	15		56	XAYLAP	Vietnamese
2	VÕ VĂN SƠN	TD3	45-46	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
3	LƯU ĐỨC THỊNH	TD3	76-77	2	26		70	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐÀO HỮU TUYẾN	TD3	49-50	2	25		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC VIỆT	TD3	60-61	2	22		69	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ XUÂN HỒI	TD3	51	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRƯƠNG VIỆT HẠNH	TD3	47-48	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN NGỌC	TD3	58-59	2	21		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGO ĐỨC THUẬN	TD3	55	1	14	15	66	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI VĂN DŨNG	TD3	53-54	2	24		68	XAYLAP	Vietnamese
11	THỊNH VIỆT HÙNG	TD3	63-64	2	18		79	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN QUÂN	TD3	62	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
13	TÔ QUỐC TUÂN	TD3	65	1	15		59	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN LÊ THẾ ANH	TD3	78-79	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN MINH THÔNG	TD3	67-68	2	10		74	XAYLAP	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN TUÂN	TD3	70-71	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐO VĂN BÌNH	TD3	66	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM VĂN VINH	TD3	74-75	2	13		81	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN TUÂN ANH	TD3	72-73	2	14		90	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐO HUY KHANH	TD3	52	1	10		78	PSV	Vietnamese
21	LÊ VĂN QUYÊN	TD3	69	1	7		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	34	336	1.469	15	1		
TOTAL		21	34	336	1.469	15	1		
WEIGHT KG				336	1.469	15			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

